

Bản án số: **609/2024/HS-PT**
Ngày: 31/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

ông Trần Quốc Cường

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 509/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo **Trần Thị Nguyên H** và các bị cáo khác về tội “*Vi phạm quy định về đầu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2024/HS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thị Nguyên H**, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1980, tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: **184/36/34 G, tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Nhân viên Khoa xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng **Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đ**; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Công T** và bà **Nguyễn Thị N**; có chồng là **Nguyễn T1**, có 02 con, sinh năm 2008 và 2012; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến ngày 25/01/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lĩnh; có mặt.

2. **Trần Thanh M**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1970, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **D C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng Tài chính Kế toán **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đ**; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần T2** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Y**; có vợ là **Nguyễn Thị Minh T3**, có 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tam giam từ ngày 27/5/2022 đến ngày 13/9/2022 được áp dụng biện pháp

ngăn chặn cho gia đình Bảo lĩnh; có mặt.

3. **Trịnh Quang T4**, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1971, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **E T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc **Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đ**; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trịnh Quang T5** và bà **Nguyễn Thị Á** (đều đã chết); có vợ là **Nguyễn Thị Thu B**, có 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến ngày 22/01/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lĩnh; có mặt.

4. **Đinh Lê Lê N1**, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: **số D đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh **Công ty cổ phần C2**; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đinh Việt L** và bà **Lê Thị Minh T6**; chồng là **Phan Công P**, có 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/5/2022; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo **Trịnh Quang T4***: Luật sư **Văn H1**, Luật sư **Bùi Thị Minh T7**, thuộc **Công ty L4, Đoàn luật sư tỉnh Đ**. Địa chỉ: **B Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; đều có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo **Trần Thị Nguyên H***: Luật sư **Trần Văn H2**, thuộc **Công ty L5, Đoàn luật sư thành phố Đ**. Địa chỉ: **B H, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo **Đinh Lê Lê N1***:

+ Luật sư **Trần Trọng H3**, thuộc **Văn phòng L6, Đoàn luật sư tỉnh Đ**. Địa chỉ: **A M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; vắng mặt và gửi Luận cứ bào chữa cho bị cáo.

+ Luật sư **Võ Hữu D**, thuộc **Công ty L4**. Địa chỉ: **B Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; có mặt.

+ Luật sư **Hoàng Văn H4**, Luật sư **Vũ Quang Đ**, thuộc **Văn phòng L7, Đoàn Luật sư thành phố H**. Địa chỉ: **P Tòa nhà N L, quận T, thành phố Hà Nội**; đều vắng mặt.

+ Luật sư **Lê Công T8**, thuộc **Văn phòng L8, Đoàn luật sư tỉnh Đ**. Địa chỉ: **Số B đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự: **Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đ**.

Địa chỉ: **số G L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Hoàng Hải P1**, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê P2**, chức vụ: Phó Giám đốc; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra còn có các bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Ngày 31/01/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-TTg về công tác phòng, chống trước diễn biến phức tạp mới của dịch bệnh Covid -19; Ngày 10/02/2020, UBND tỉnh Đ có Công văn số 999/UBND-KT về việc bố trí và sử dụng kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid -19, trong đó: Giao Sở Tài chính khẩn trương thẩm định các nội dung liên quan đến bố trí kinh phí; Hình thức mua sắm trang thiết bị, hóa chất phục vụ công tác phòng chống dịch do Sở Y tế đề nghị, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí theo đúng quy định theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 13-VPUBND ngày 06/02/2020. Ngày 06/3/2020, Sở Y1 có Công văn số 674/SYT-TCKT về việc đảm bảo hậu cần cho công tác phòng, chống dịch C -19 tại địa phương, theo đó yêu cầu các đơn vị chủ động sử dụng dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2020 đã được giao, sử dụng nguồn lực sẵn có, khẩn trương xây dựng kế hoạch kinh phí mua thuốc, vật tư, hóa chất, trang thiết bị cần thiết theo từng cấp độ dịch.

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đ (C2) được thành lập theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Đ, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế; Chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y1; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của Bộ Y2; Có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ về phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm; bệnh không lây nhiễm, phòng, chống tác động của các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe; quản lý sức khỏe cộng đồng. C2 hoạt động theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ cấu tổ chức gồm: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; 03 Phòng chức năng (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Phòng Tài chính - Kế toán) và 08 Khoa chuyên môn, trong đó có Khoa xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng (Khoa xét nghiệm); K dược - Vật tư (Khoa dược).

Giám đốc của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đ (gọi tắt là C2) là Trịnh Quang T4, người chịu trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của C2; các Phó Giám đốc là ông Hoàng Hải P1, ông Lê P2, bà Bùi Thị Bích D1. Trong đó, ông Lê P2 giữ chức vụ Phó Giám đốc kể từ ngày 01/10/2019 cho đến nay theo Quyết định bổ nhiệm số 1958/QĐ-SYT ngày 26/9/2019 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Y1, được giao nhiệm vụ phụ trách, chỉ đạo các lĩnh vực: Dược - Vật tư y tế; Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng; Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Phòng, chống HIV/AIDS; Chủ tịch hội đồng thuốc; C2 thành lập 01 Hội đồng khoa học Công nghệ do Trịnh Quang T4 làm Chủ tịch Hội đồng (theo các Quyết định số 96/QĐ-KSBT ngày 04/12/2019, số 167/QĐ-KSBT ngày 24/8/2021, số 199/QĐ-KSBT ngày 11/8/2021) có nhiệm vụ tư vấn về công tác Khoa học công nghệ ở đơn vị.

Công ty C2 được Sở KH&ĐT thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần S1, đăng ký lần đầu vào ngày 28/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu vào ngày 11/10/2017. Trụ sở chính tại số C Hồ V, phường I, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, gồm 04 cổ đông sở hữu vốn điều lệ như sau: (1) Phan Quốc V sở hữu 94.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 47,25%; (2) Đ sở hữu 47.500

cổ phần, chiếm tỷ lệ 23,75%; (3) **Hồ Thị Thanh T9** (vợ **V**) sở hữu 48.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 24% và (4) **Võ A** Triết sở hữu 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5%. Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, sản xuất máy thông dụng khác, sản xuất hóa chất cơ bản... **Phan Quốc V** giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật; **Đông Sỹ H5**, **Vũ Đình H6** và **Hồ Thị Thanh T9** giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

Ngày 29/8/2018, **Sở KH&ĐT tỉnh B** cấp giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh tại địa chỉ: **A Quốc lộ A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương**.

Công ty A4 được **Sở KH&ĐT thành phố H** cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp **Công ty TNHH B1** thành viên trở lên số 0313117750, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2015, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/04/2017. Trụ sở chính tại **số F H, phường D, quận H, thành phố Hồ Chí Minh**. Vốn điều lệ 01 tỷ đồng, thành viên góp vốn gồm: **Phan Quốc V** (67,5%), **Đông Sỹ H5** (22,5%) và **Công ty C2** (10%). Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, bán buôn đồ dùng khác cho gia đình... Bà **Trần Huyền Phú A1** giữ chức vụ Giám đốc, đại diện theo pháp luật.

Công ty Cổ phần T26 (**Công ty T26**) được **Sở KH&ĐT tỉnh T** cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp **Công ty Cổ phần S2**, đăng ký lần đầu ngày 19/01/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/11/2018. Trụ sở chính tại **số A T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Vốn điều lệ 10 tỷ đồng, cổ đông góp vốn gồm: **Đỗ Hữu N2** (10%), **Công ty C2** (69,15%), **Bùi Minh T10** (10%), **Võ Anh T11** (7,5%), **Nguyễn Thị Kim S** (1,47%), **Lê Thị H7** (0,99%) và **Nguyễn Thị Lan P3** (0,89%). Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, sửa chữa thiết bị khác, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác... Ông **Nguyễn Ái Hà P4** giữ chức vụ Giám đốc, đại diện theo pháp luật; Ông **Đỗ Hữu N2** giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hộ kinh doanh **Cửa hàng T27** (**Cửa hàng T27**) do Đinh Lê Lê Na đăng ký thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 40A8027878, do Phòng Tài chính - Kế hoạch **thành phố B** cấp ngày 16/9/2019, **Đinh Lê Lê N1** là chủ hộ kinh doanh; địa chỉ kinh doanh: **88 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Đinh Lê Lê Na C1 là nhân viên Marketing của **Công ty C2**, quản lý khu vực **T** trong đó có tỉnh Đắk Lắk (theo Quyết định số 0080117/QĐ.BGĐCPVA, ngày 03/01/2017 của **Công ty C2**). Nhân viên của **Cửa hàng T27** gồm có **Lê Thị Nguyệt H8** và **Phan Thị Thanh H9**.

Chi nhánh **Công ty Cổ phần T28** tại **thành phố H** (Chi nhánh **Công ty D4**) được Phòng đăng ký kinh doanh **Sở KH&ĐT tỉnh T** cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số **chi nhánh A5**, đăng ký lần đầu ngày 24/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/01/2022, địa chỉ trụ sở chính: **số G N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Người đại diện theo pháp luật: **Hồ Văn P5** giữ chức vụ Giám đốc. **Bộ T29** cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 021/TĐG cấp lần đầu ngày 19/8/2015. Thẩm định viên về giá gồm: **Hồ Văn P5**, **Trần Thị Thu T12**, **Nguyễn Thị Ngọc H10**.

Công ty trách nhiệm hữu hạn T30 (**Công ty T30**) được Phòng đăng ký kinh doanh **Sở KH&ĐT Thành phố H** cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0315957353, đăng ký lần đầu ngày

04/10/2019, địa chỉ trụ sở: **A L, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**; Vốn điều lệ: 1.700.000.000 đồng; Người đại diện theo pháp luật: ông **Huỳnh Quốc V1** - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. **Bộ T29** cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 364/TĐG cấp lần đầu ngày 16/01/2020. Thẩm định viên về giá gồm: **Huỳnh Quốc V1, Huỳnh Thị Thanh T13 (vợ Huỳnh Quốc V1), Trần Thị Cẩm T14.**

Công ty Cổ phần T31 (Công ty T31) được Phòng đăng ký kinh doanh **Sở KH&ĐT tỉnh Y1** cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp **F**, đăng ký lần đầu ngày 26/8/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08/3/2016, địa chỉ trụ sở chính: **số E V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật: **Nguyễn Thị Hương Linh T15** giữ chức vụ Giám đốc. **Bộ T29** cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 028/TĐG cấp lần đầu ngày 19/8/2015, cấp lại lần thứ nhất ngày 04/4/2016. Thẩm định viên về giá gồm: **Nguyễn Thị Hương Linh T15, Nguyễn Hữu T16, Trần Văn T17, Đặng Ngọc H11, Nguyễn Thị Mỹ H12.**

Để triển khai kế hoạch thực hiện xét nghiệm sàng lọc SAR-CoV-2 phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, **Trịnh Quang T4** trong giai đoạn làm Phó Giám đốc phụ trách (từ ngày 11/3/2020 đến ngày 18/10/2020) và giai đoạn làm Giám đốc **C2** đã chỉ đạo **Đặng Minh T18** - Phó khoa phụ trách Khoa xét nghiệm và **Trần Thị Nguyên H** - Nhân viên Khoa xét nghiệm liên lạc, trao đổi với **Đinh Lê Lê N1** - Nhân viên kinh doanh **Công ty C2** phụ trách khu vực **T** để tạm ứng sinh phẩm, hóa chất, vật tư phục vụ xét nghiệm và hợp thức hóa thủ tục thanh toán. **Đinh Lê Lê N1** đã xin ý kiến của **Phan Quốc V** (Viết giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật **Công ty C2**) về việc cho **C2** mượn hàng và được **V** đồng ý. Theo hướng dẫn của **Lê N1, H** và **T18** đã soạn thảo các Công văn mượn hàng gửi **Công ty A4, Công ty T26, Công ty C2** để **Trịnh Quang T4** hoặc **Lê Phúc ký**, trong đó **C2** cam kết hoàn thiện hợp đồng và các thủ tục cần thiết để thanh toán tiền, giá thanh toán theo giá tại thời điểm mượn hàng. Các Công văn này đều được chuyển cho **Lê Na Q** ứng dụng Zalo để **N1** gửi trước cho các Công ty cho mượn hàng và bản chính gửi đường văn thư.

Sau khi mượn hàng của các Công ty, để thanh toán một phần hàng hóa đã tạm ứng, theo chỉ đạo của **Trịnh Quang T4**, các khoa, phòng của **C2** đã hoàn thiện, hợp thức hồ sơ để thanh toán cho các **Công ty A4, Công ty T26, Công ty C2** bằng hình thức đấu thầu rộng rãi và chỉ định thầu rút gọn.

Để bảo vệ được đơn giá theo yêu cầu của **Công ty C2, Công ty A4, Công ty T26, Đinh Lê Lê N1** liên hệ hoặc chỉ đạo nhân viên **Lê Thị Nguyệt H8** liên hệ các Công ty này lấy 03 bảng báo giá (đều do nhân viên **Công ty S3**, trong đó báo giá của Công ty cho mượn hàng theo từng gói thầu đưa ra là giá thấp nhất). **C2** đã sử dụng 03 bảng báo giá này đưa vào hồ sơ chỉ định thầu hoặc để Công ty thẩm định giá căn cứ thẩm định giá đối với gói thầu. **Trần Thanh M, Trần Thị Mai A2** đã thông qua giới thiệu của **Đinh Lê Lê Na H13** tự liên hệ với các Công ty thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá đối với các gói thầu của **C2**; các Công ty thẩm định giá này hoặc sử dụng các bảng báo giá trên hoặc tự thu thập bảng báo giá nhưng giá của các mặt hàng trong các Chứng thư thẩm định giá đều phù hợp với báo giá của các Công ty cho mượn hàng. Căn cứ

vào các chứng thư thẩm định giá này, C2 đã hợp thức thủ tục đấu thầu, ký kết hợp đồng mua hàng, thanh lý hợp đồng, không tổ chức thương thảo hợp đồng, thanh toán tiền cho các Công ty.

Với cách thức trên, trong năm 2020 - 2021, các cá nhân có trách nhiệm liên quan thuộc C2 đã lập, ký duyệt, hợp thức hóa hồ sơ 06 gói thầu vào 06 đợt, trong đó có 04 gói thầu đã thanh toán (gói thầu số 1, 2, 3, 4) và 02 gói thầu chưa ký kết hợp đồng và chưa thanh toán (gói thầu số 5, 6), cụ thể:

+ Gói thầu số 1: Mua sinh phẩm, hóa chất, môi trường, vật tư tiêu hao để triển khai thực hiện xét nghiệm Covid-19 (đợt 1 năm 2021). Hình thức thầu: Chỉ định thầu rút gọn, trong nước, không qua sơ tuyển, không qua mạng. Nhà thầu chỉ định: Công ty A4. Giá trị gói thầu: 930.137.000 đồng.

Từ tháng 7 đến tháng 8/2020, để cho C2 mượn hàng, Đinh Lê Lê N1 đã giao cho Lê Thị Nguyệt H8 và Phan Thị Thanh H9 - Nhân viên Cửa hàng T27 tiến hành giao hàng của Cửa hàng cho C2. Đồng thời, N1 trao đổi với Phòng Kinh doanh của Công ty C2 thông qua Cửa hàng T27 tiếp tục cho C2 mượn hàng.

Đinh Lê Lê Na trao đổi với Trần Huyền Phú A1 để Công ty A4 đứng ra cho C2 mượn hàng và làm gói thầu với C2. Trên cơ sở tham mưu của Đặng Minh T18 và Trần Thị Nguyên H, Trịnh Quang T4 đã ký Công văn số 414/KSBT-XN ngày 30/7/2020 gửi Công ty A4 mượn sinh phẩm, vật tư phục vụ công tác xét nghiệm Covid -19. Trần Huyền Phú A1 đã lập các phiếu giao hàng thể hiện Công ty A4 giao hàng cho C2 để hợp thức hóa việc giao nhận hàng nêu trên. Để xin kinh phí và hợp thức hóa hồ sơ thanh toán tiền hàng tạm ứng cho Công ty A4, trên cơ sở tham mưu của H, T18 đã lập, tham mưu cho Trịnh Quang T4, Trần Thanh M và ông Bùi Văn H14 (Trưởng Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ) ký Kế hoạch kinh phí thực hiện xét nghiệm Covid-19 ngày 24/8/2020, tổng giá trị 2.047.307.400 đồng, danh mục hàng hóa gồm 24 mặt hàng, trong đó bao gồm các mặt hàng tạm ứng.

Ngày 25/8/2020, Trịnh Quang T4 tổ chức họp Hội đồng khoa học công nghệ gồm các thành viên là Bùi Thị Bích D1, Bùi Văn H14, Đặng Minh T18, Nguyễn Thị Ngọc L1, Nguyễn Lê Kim H15 và khách mời là Trần Thanh M, Trần Thị Mai A2, Trần Thị Nguyên H để xem xét kế hoạch kinh phí trên.

Để thẩm định giá mặt hàng sinh phẩm, hóa chất, môi trường, vật tư tiêu hao cho C2, Trần Thanh M đã trao đổi và được Đinh Lê Lê N1 giới thiệu làm việc với Trần Thị Thu T12 - Thẩm định viên về giá của Chi nhánh Công ty Cổ phần T28 về tài sản, Bất động sản tại thành phố H (DATC H). Mỹ gửi danh mục hàng hóa cho T12 để nhờ kiểm tra giá trước. T12 đã liên hệ với các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực y tế để xin báo giá và nhận được các bảng báo giá qua fax (không xác định được người gửi). Đối với nhóm 04 mặt hàng trong đó có mặt hàng Lightpower iVASARS-CoV-2 1stRT-rPCR Kit (K) thì nhận được 03 báo giá của Công ty T26, Công ty TNHH X (Công ty X), Công ty TNHH T32 (Công ty T32) và T12 gửi lại cho M; đối với nhóm 20 mặt hàng còn lại thì nhận được 06 báo giá của Công ty TNHH T33 (Công ty T33), Công ty TNHH T34 (Công ty T34), Công ty Cổ phần T35 (Công ty T35), Công ty TNHH P6 (Công ty P6), Công ty TNHH T36 (Công ty T36), Cửa hàng H18 (Cửa hàng H18).

Tiếp đó, M tham mưu và trình Trịnh Quang T4 ký Giấy đề nghị thẩm định giá ngày 01/9/2020. Sau khi nhận được giấy đề nghị thẩm định giá, Hồ Văn P5 - Giám

độc Chi nhánh Công ty D4 phân công Trần Thị Thu T12 trực tiếp thực hiện thẩm định. Ngày 03/9/2020, C2 và Chi nhánh Công ty D4 ký Hợp đồng thẩm định giá số 1426/HDDV-CN.HUE. Để thẩm định giá, T12 không tiến hành thu thập bảng báo giá mà sử dụng lại 09 bảng báo giá đã thu thập trước đó để so sánh, đối chiếu và xác định đối với nhóm gồm 04 mặt hàng, trong đó có mặt hàng Kit LightPower của Công ty C2 sản xuất do Công ty X báo giá thấp nhất 25.452.500đ/bộ, đối với nhóm 20 mặt hàng còn lại do Công ty T34 báo giá thấp nhất nên đã sử dụng giá của Công ty X, Công ty T34 là giá thẩm định. Ngày 07/9/2020, Chi nhánh Công ty D4 ban hành chứng thư thẩm định giá số 1452/CTTĐG-CNHUE (do T12, P5 ký), đồng thời ký Biên bản nghiệm thu thanh lý đối với hợp đồng thẩm định giá trên với C2 xác định 24 mặt hàng C2 đề nghị thẩm định có tổng giá trị 2.028.692.000 đồng. Ngày 07/9/2020, Chi nhánh Công ty D4 xuất Hóa đơn GTGT số 0002455, tổng giá trị 4.463.000 đồng cho C2. C2 đã thanh toán số tiền này bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của C2 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ đến tài khoản của Chi nhánh Công ty D4.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 1452/CTTĐG-CNHUE, Trần Thanh M đã tham mưu cho Trịnh Quang T4 ký Tờ trình số 133/TTr-KSBT ngày 15/9/2020 gửi Sở T37 đề nghị thẩm định, phê duyệt giá mua sinh phẩm, hóa chất, môi trường, vật tư tiêu hao đối với Gói thầu số 01. Ngày 06/10/2020, ông Lê Danh T19 - Phó Giám đốc Sở T37 đã ký ban hành Công văn số 2672/STC-QLG&CS điều chỉnh giá mua sắm sinh phẩm, hóa chất, môi trường và vật tư tiêu hao của C2 là 2.023.362.000 đồng.

Ngày 11/11/2020 và ngày 08/12/2020, Trịnh Quang T4 ký các tờ trình số 167/TTr-KSBT và số 174/TTr-KSBT gửi Sở Y tế xin bổ sung kinh phí để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19. Ngày 31/12/2020, ông Nay Phi L2 - Giám đốc Sở Y1 ký Quyết định số 1503/QĐ-SYT về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc, trong đó giao kinh phí cho C2 tổng số tiền 26.413.000.000 đồng.

Ngày 27/01/2021 và ngày 05/02/2021, Trịnh Quang T4 ký các Tờ trình số 12/TTr-KSBT và số 16/TTr-KSBT gửi Sở Y tế đề nghị phê duyệt mua hàng hóa, dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổng mức đầu tư 930.137.000 đồng, hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu. Ngày 04 và 09/02/2021, ông Nay Phi L2 ký các Quyết định số 97/QĐ-SYT và số 113/QĐ-SYT về việc phê duyệt mua sắm sinh phẩm, hóa chất, môi trường, vật tư tiêu hao để triển khai xét nghiệm Covid-19 của C2; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của C2. Do đó, Trịnh Quang T4 ký Quyết định số 22/QĐ-KSBT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với Công ty A4.

Trần Thanh M đã soạn thảo các văn bản, chứng từ thực hiện việc hợp thức hóa hồ sơ gói thầu số 1 cụ thể như sau: Biên bản thương thảo hợp đồng số 2100221 ngày 18/02/2021; Hợp đồng mua bán số 2090221/HĐMB.KHANVIE-TTKSBTDK ngày 21/02/2021, trị giá 930.137.000 đồng, trong đó đối với mặt hàng Kit LightPower do Công ty C2 sản xuất số lượng 24 bộ, quy cách 50 test/bộ, đơn giá 25.452.500 đồng/bộ (tương đương 509.050 đồng/test); Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/02/2021; Biên bản bàn giao nghiệm thu ngày 25/02/2021; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành ngày 25/02/2021. M đưa cho Trần Thị Nguyên H, Đặng Minh T18 ký Biên bản bàn giao nghiệm thu và trình các tài liệu trên cho T4 ký duyệt.

Trần Thanh M đã gửi cho Trần Huyền Phú A1 qua đường bưu điện để ký các tài

liệu trên, đồng thời yêu cầu Nguyễn Thị Kiều D2 - Nhân viên Công ty A4 cung cấp 03 bảng báo giá của 03 đơn vị khác nhau, trong đó Bảng báo giá của Công ty A4 có giá trị thấp nhất. D2 báo lại với Trần Huyền Phú A1 nên A1 đã trực tiếp soạn thảo Bảng báo giá của Công ty A4, Công ty T26, Công ty TNHH K5 (Công ty K5) gửi lại cho M để đưa vào hồ sơ chỉ định thầu.

Ngày 10/3/2021, C2 làm thủ tục rút dự toán ngân sách tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ để chuyển số tiền 930.137.000 đồng vào tài khoản số 193354999 của Công ty A4 tại Ngân hàng TMCP Á1, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có 24 bộ Kit LightPower x 50 test/bộ = 1.200 test, đơn giá 509.050 đồng/test có tổng giá trị 610.860.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền, từ tháng 3/2021 đến tháng 7/2021, Công ty A4 tiếp tục tiếp tục giao các mặt hàng cho C2 theo hợp đồng (thiếu 04 bộ Kit LightPower, quy cách 50 test/bộ và 01 gói tube vô trùng free Rnase loại 1,5ml).

+ Gói thầu số 2: Mua sinh phẩm, vật tư để triển khai thực hiện xét nghiệm Covid-19 (đợt 2 năm 2021). Hình thức thầu: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu qua mạng; Nhà thầu trúng thầu: Công ty T26; Giá trúng thầu 3.301.863.000 đồng.

Năm 2021, C2 tiếp tục trao đổi với Đinh Lê Lê N1 để mượn hàng, N1 đã báo cho Trần Huyền Phú A1 để Công ty A4 đứng tên giao hàng cho C2. Trên cơ sở tham mưu của Trần Thị Nguyên H, Đặng Minh T18 đã trình Trịnh Quang T4 ký các Công văn số 77/KSBT-XN ngày 08/02/2021 và số 78/KSBT-XN ngày 09/02/2021 của C2 và gửi cho Công ty A4, trong đó có nội dung CDC Đắc L3 cam kết thanh toán công nợ cũ và đề nghị tạm ứng mới 10 bộ (loại 96 test/bộ) Kit LightPower và 10 bộ (loại 96 test/bộ) K6 (viết tắt: Kit tách chiết iVNA). Công ty C2 đã xuất kho 10 bộ (loại 96 test/bộ) Kit LightPower gửi cho Cửa hàng T27 để đưa CDC Đắc L3 ký. Tuy nhiên, sau đó N1 trao đổi với Trần Huyền Phú A1 và Nguyễn Hoàng Dạ T20 (Trưởng phòng cung ứng Công ty T26) về việc Công ty A4 không làm hồ sơ thầu với C2 mà chuyển gói thầu sang cho Công ty T26 thực hiện.

Đồng thời, N1 báo lại cho C2 để điều chỉnh lại Công văn mượn hàng. Trên cơ sở tham mưu của H, T18 đã soạn thảo, ký nháy và đưa Trần Thanh M ký nháy các Công văn mượn hàng số 306/KSBT-XN ngày 14/5/2021, số 368/KSBT-XN ngày 03/6/2021, số 443/KSBT-XN ngày 30/6/2021 trình Trịnh Quang T4 ký và Công văn số 503/KSBT-XN ngày 18/7/2021 trình Lê Phúc ký để gửi cho Công ty T26, trên các công văn này C2 cam kết sẽ hoàn tất thủ tục và thanh toán tiền cho Công ty.

Để hợp thức hóa hồ sơ thanh toán tiền hàng tạm ứng cho Công ty T26, H đã tham mưu cho T18 soạn thảo văn bản dự trù vật tư, sinh phẩm và Kế hoạch kinh phí thực hiện xét nghiệm phòng chống dịch Covid-19 ngày 24 và 26/5/2021, có tổng giá trị 5.424.701.000 đồng, danh mục hàng hóa gồm 10 mặt hàng bao gồm tất cả các mặt hàng đã tạm ứng. Trịnh Quang T4, Đặng Minh T18, Trần Thanh M, Bùi Văn H14 đã ký trên các văn bản này. Ngoài ra, Đinh Lê Lê Na C1 yêu cầu Nguyễn Hoàng Dạ T20 cung cấp 03 bảng báo giá để thẩm định giá cho C2, T20 đã giao cho Nguyễn Thị Thanh N3 - Nhân viên của Công ty T26 làm 03 báo giá gồm Bảng báo giá của Công ty T26, Công ty A4 và Công ty Cổ phần D5 (Công ty D5) trong đó bảng báo giá của Công ty T26 thấp nhất.

Ngày 25/5/2021, Trịnh Quang T4 tổ chức họp Hội đồng khoa học công nghệ gồm các thành viên là Bùi Thị Bích D1, Bùi Văn H14, Đặng Minh T18, Bế Thị Thùy

N4, Nguyễn Lê Kim H15 và khách mời là Trần Thanh M, Trần Thị Mai A2, Trần Thị Nguyên H để xem xét kế hoạch kinh phí trên.

Đề thẩm định giá gói thầu, Trần Thanh M trao đổi với Đinh Lê Lê N1 và được N1 giới thiệu Ngô Văn K (là bạn của Huỳnh Quốc V1 - Giám đốc Công ty T30) để Mỹ liên hệ. Ngày 26/5/2021, Trần Thanh M tham mưu trình T4 ký Giấy đề nghị thẩm định giá rồi gửi giấy này kèm danh mục 10 mặt hàng cần thẩm định giá cho K, K gửi lại Huỳnh Quốc V1 để làm hợp đồng. Ngày 28/5/2021, C2 và Công ty T30 ký Hợp đồng thẩm định giá số 0059/21.HĐ. Sau khi ký hợp đồng, V1 thỏa thuận, thống nhất chia đôi giá dịch vụ thẩm định và nói Ngô Văn K thu thập 03 bảng báo giá của Công ty có pháp nhân, có ký tên, đóng dấu đồ gửi về cho Công ty T30 để làm thẩm định. Ngô Văn K trực tiếp liên hệ với N1 để lấy 03 bảng báo giá. Theo chỉ đạo của N1, Lê Thị Nguyệt H8 đã Scan 03 bảng báo giá của Công ty A4, Công ty T26, Công ty D5 (do Nguyễn Hoàng Dạ T20 cung cấp trước đó) cho K và gửi bản giấy có ký tên về Công ty T30. Công ty T30 căn cứ thông tin trên bảng báo giá của Công ty T26, Công ty A4, Công ty D5 để so sánh, đối chiếu và xác định đối với giá mặt hàng Kit LightPower của Công ty C2 sản xuất do Công ty T26 báo giá thấp nhất 509.250 đồng/test nên đã sử dụng giá này là giá thẩm định. Ngày 02/6/2021, Huỳnh Quốc V1 - Giám đốc và Huỳnh Thị Thanh T13 - Thẩm định viên về giá của Công ty T30 ký ban hành chứng thư thẩm định giá số 0059/21.CT, xác định 10 mặt hàng C2 đề nghị thẩm định có tổng giá trị 5.424.701.250 đồng. Ngày 02/6/2021, Công ty T30 xuất Hóa đơn GTGT số 0000183, tổng giá trị 18.315.000 đồng cho C2, C2 đã thanh toán số tiền này bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của C2 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ đến tài khoản của Công ty T30.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 0059/21.CT, Trịnh Quang T4 ký Tờ trình số 75/TTr-KSBT ngày 02/6/2021 gửi Sở T37 đề nghị thẩm định, phê duyệt giá mua sinh phẩm, môi trường, vật tư tiêu hao để triển khai thực hiện xét nghiệm Covid-19 đối với Gói thầu của C2. Ngày 10/06/2021, ông Lê Danh T19 - Phó Giám đốc Sở T37 ký Công văn số 1608/STC-QLG&CS điều chỉnh giá mua sắm sinh phẩm, hóa chất, môi trường và vật tư tiêu hao của C2 là 5.280.552.000 đồng (đối với mặt hàng Kit LightPower do Công ty C2 sản xuất thì vẫn giữ nguyên giá, không điều chỉnh).

Dựa trên việc bố trí kinh phí tại các Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh Đ về việc điều chỉnh Phụ lục II Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 và phụ lục III Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 544/QĐ-SYT ngày 26/5/2021, Quyết định số 582/QĐ-SYT ngày 03/6/2021 của Sở Y tế, Trịnh Quang T4 ký các tờ trình gửi Sở Y tế đề nghị phê duyệt mua sinh phẩm, vật tư để cấp bách triển khai thực hiện xét nghiệm Covid-19 (đợt 2) năm 2021 gồm Tờ trình số 84/TTr-KSBT ngày 11/6/2021, Tờ trình số 88/TTr-KSBT ngày 14/6/2021, tuy nhiên Sở Y tế đề nghị phải cắt giảm số lượng hàng hóa cho phù hợp. Ngày 16/6/2021, Trịnh Quang T4 tiếp tục ký Tờ trình số 90/TTr-KSBT gửi Sở Y tế đề nghị phê duyệt giá trị mua sắm 3.476.918.000 đồng (thay cho Tờ trình số 88). Ngày 18/6/2021, ông Nay Phi L2 - Giám đốc Sở Y1 ký Quyết định số 669/QĐ-SYT về việc phê duyệt mua sắm sinh phẩm, vật tư để triển khai xét nghiệm Covid-19 của C2, giá dự toán 3.476.918.000 đồng.

Ngày 21 và ngày 23/6/2021, Trịnh Quang T4 ký các Tờ trình số 96/TTr-KSBT

và số 98/TTr-KSBT gửi Sở Y tế đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu với hình thức chỉ định thầu, điều chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu từ chỉ định thầu sang đấu thầu rộng rãi qua mạng.

Ngày 28/6/2021, ông **Nay Phi L2** ký Quyết định số 715/QĐ-SYT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của **C2**. Cùng ngày, **T4** ký Quyết định số 154/QĐ-KSBT về việc thành lập Bên mời thầu (**Trần Thị Mai A2** - Phó Khoa phụ trách **K** được làm tổ trưởng, **Đinh Thị Ánh V2** - Phòng Tài chính - Kế toán là thư ký, Cái Viết Khánh - Phòng Tổ chức - Hành chính là thành viên), Tổ chuyên gia (**Đặng Minh Tuyết** - Phó phụ trách Khoa xét nghiệm làm Tổ trưởng, ông **Nguyễn Tuấn A3** - Phó Khoa Ký sinh trùng là thư ký, **Trần Thị Nguyên H** - Nhân viên Khoa xét nghiệm là thành viên), Tổ thẩm định (**Trần Thanh M** làm tổ trưởng, **Nguyễn Thị Châu T21** - Phó phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ là thư ký, **Nguyễn Xuân T22** - Khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm là thành viên).

Ngày 30/6/2021, **T4** ký Quyết định số 164/QĐ-KSBT về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu. Ngày 15/7/2021, Tổ mời thầu tiến hành mở thầu. Sau khi thông báo mời thầu được đăng lên mạng đấu thầu quốc gia, qua ứng dụng Zalo, **Trần Thanh M** nhắn tin thông báo cho **Nguyễn Hoàng Dạ T20** để **Công ty T26** đăng ký nộp hồ sơ dự thầu. Bên cạnh đó **M** cũng nói **T20** điều chỉnh lại giá mặt hàng kit test LightPower mà **K** xét nghiệm đã thỏa thuận với **Công ty T26** từ 509.250 đồng xuống 470.000 đồng theo giá niêm yết trên cổng thông tin của **Bộ Y2**. Ngày 15/7/2021, hết thời gian nộp hồ sơ thầu theo thông báo thì Tổ mời thầu tiến hành mở thầu, kết quả xác định chỉ có **Công ty T26** đăng ký dự thầu với giá dự thầu 3.301.863.000 đồng (do **Công ty T26** đã điều chỉnh giá Kit test LightPower từ 509.250 đồng xuống 470.000 đồng nên tổng giá dự thầu giảm so với giá theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu), Tổ mời thầu cung cấp toàn bộ tài liệu liên quan đến hồ sơ dự thầu cho Tổ chuyên gia để đánh giá hồ sơ dự thầu. Mặc dù chưa có kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu nhưng Mỹ đã dự trù được thời gian thực hiện các thủ tục thầu nên soạn thảo Biên bản thương thảo hợp đồng đề ngày 20/7/2021 đối với gói thầu số 2 và gửi qua ứng dụng Zalo cho **T20**, yêu cầu **T20** in ký và gửi lại cho **C2** để kịp thời gian thực hiện hồ sơ thầu. Sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu thì Tổ chuyên gia ký, ban hành Báo cáo đánh giá E-HSDT 01/BC-TCG ngày 19/7/2021 và đề nghị mời **Công ty T26** thương thảo hợp đồng, Mỹ hướng dẫn **Mai A2** soạn, tham mưu cho **T4** ký công văn số 513/KSBT-19/7/2021 gửi **Công ty T26** về việc cung cấp tài liệu và ký kết thương thảo hợp đồng, công văn này được **M** gửi cho **T20**.

Từ biên bản thương thảo hợp đồng, **M** hướng dẫn cho **Mai A2** soạn thảo Tờ trình số 02/TTr-BMT ngày 20/7/2020 đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và soạn thảo Phiếu yêu cầu số 518/KSBT-BMT ngày 21/7/2021 gửi cho Sở KH&ĐT kèm theo toàn bộ hồ sơ thầu đề nghị giám sát kết quả lựa chọn nhà thầu. Cùng ngày, ông **Đinh Xuân H16** - Giám đốc Sở KH&ĐT ban hành Thông báo số 1946/TB-SKHĐT đồng ý kết quả lựa chọn nhà thầu. Căn cứ Thông báo số 1946, Mỹ tham mưu cho **T4** ký Quyết định số 184/QĐ-KSBT ngày 22/7/2021 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với **Công ty T26**, giá trúng thầu 3.301.863.000 đồng và **Mai A2** tham mưu cho **T4** ký Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số 1497/TB-KSBT-BMT, Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao đổi hợp đồng ngày 22/7/2021 và đăng kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trên cơ sở tham mưu của Mai A2 và Mỹ, T4 và Mai Văn T23 - Phó Giám đốc Công ty T26 ký Hợp đồng số 05/21-HĐMSHH ngày 22/7/2021, trị giá 3.301.863.000 đồng. Đồng thời ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa số 05/21-BBBG&NT, Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng kinh tế 05/21-TLHĐ ngày 02/8/2021. Ngày 03/8/2021, Trịnh Quang T4 ký Giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước để thanh toán, chuyển số tiền 3.301.863.000 đồng vào tài khoản số 118000020530 của Công ty T26 tại Ngân hàng TMCP C3 - CN Thừa Thiên Huế, trong đó đối với mặt hàng Kit test do Công ty C2 sản xuất có số lượng 4.460 test, đơn giá 470.000 đồng/test, tổng giá trị 2.096.200.000 đồng.

+ Gói thầu số 3: Mua sinh phẩm, vật tư cấp bách để triển khai thực hiện xét nghiệm Covid-19 (đợt 3 năm 2021). Hình thức thầu: Chỉ định thầu rút gọn. Nhà thầu trúng thầu: Công ty T26; Giá trị gói thầu 1.968.384.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện gói thầu số 2, N1 tiếp tục trao đổi với T20 để thực hiện gói thầu số 3 với C2. T18 đã soạn thảo, ký nháy và đưa M ký nháy Công văn mượn hàng số 533/KSBT-XN ngày 23/7/2021 của C2 trình ông Lê P2 ký gửi cho Công ty T26, trên các công văn này C2 cam kết sẽ hoàn tất thủ tục và thanh toán tiền cho Công ty.

Để có cơ sở xin kinh phí và hợp thức hóa hồ sơ để thanh toán tiền hàng tạm ứng phục vụ xét nghiệm cho Công ty T26, Đặng Minh T18 đã lập, tham mưu cho Trịnh Quang T4, Trần Thanh M và Bùi Văn H14 ký Phiếu dự trù ngày 23/7/2021.

Căn cứ Kế hoạch kinh phí xét nghiệm Covid-19 ngày 26/5/2021 của C2, Chứng thư thẩm định giá số 0059/21.CT ngày 10/6/2021 của Công ty T30, Công văn số 1608/STC-QLG&CS ngày 10/6/2021 của Sở T37 về việc giá mua sinh phẩm, vật tư tiêu hao, môi trường vận chuyển xét nghiệm Covid-19, Quyết định số 184/QĐ-KSBT ngày 22/7/2021 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với Công ty T26, Phiếu dự trù ngày 23/7/2021, Trần Thanh M soạn thảo, tham mưu cho T4 ký Tờ trình số 128/TTr-KSBT ngày 23/7/2021 về việc phê duyệt mua sinh phẩm, vật tư để cấp bách triển khai thực hiện xét nghiệm Covid-19 (đợt 3) năm 2021 của C2, giá trị mua sắm: 1.968.384.000 đồng.

Ngày 27/7/2021, ông Nay Phi L2 ký Quyết định số 869/QĐ-SYT về việc phê duyệt giá trị mua sắm: 1.968.384.000 đồng. Ngày 28/7/2021, T4 ký Tờ trình số 131/TTr-KSBT gửi Sở Y tế phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán: Mua sắm sinh phẩm, vật tư để cấp bách triển khai thực hiện xét nghiệm Covid-19 (đợt 3) năm 2021 của C2, tổng mức đầu tư: 1.968.384.000 đồng, hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn. Ngày 30/7/2021, ông Nay Phi L2 ký Quyết định số 884/QĐ-SYT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Ngày 30/7/2021, M gửi cho T20 file thương thảo hợp đồng và nói T20 điều chỉnh giảm giá kit test xuống 470.000 đồng. Cùng ngày, T4 ký Công văn số 568/KSBT-BMT về việc ký kết thương thảo hợp đồng gói thầu số 3 gửi cho Công ty T26. Ngày 02/8/2021, T4 và Mai Văn T23 - Phó Giám đốc Công ty T26 ký Biên bản thương thảo hợp đồng. Tiếp đó, T4 ký Phiếu yêu cầu giám sát kết quả lựa chọn nhà thầu số 579/KSBT-BMT ngày 03/8/2021 gửi cho Sở KH&ĐT. Cùng ngày, Trần Thanh M soạn thảo, gửi qua ứng dụng Zalo cho Nguyễn Hoàng Dạ T20 hợp đồng mua bán theo gói thầu số 3 giữa C2 và Công ty T26 và yêu cầu T20 ký gửi lại cho M (trước khi có

kết quả giám sát). Ngày 05/8/2021, ông **Đinh Xuân H16** - Giám đốc Sở KH&ĐT ký Thông báo số 2112/TB-SKHĐT về việc chấp nhận hình thức chỉ định thầu rút gọn đối với gói thầu số 03. Ngày 05/8/2021, **T4** ký Quyết định số 198/QĐ-KSBT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với **Công ty T26**.

Tiếp đó, **Trịnh Quang T4** và **Mai Văn T23** ký Hợp đồng số 06.21-HĐMSHH ngày 09/8/2021, trị giá 1.968.384.000 đồng. Đồng thời ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa số 06/21-BBBG&NT, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng kinh tế 06/21-TLHĐ ngày 20/8/2021. Ngày 26/8/2021, **T4** ký giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước để thanh toán, chuyển số tiền 1.968.384.000 đồng vào tài khoản số 118000020530 của **Công ty T26** tại **Ngân hàng TMCP C3** - CN Thừa Thiên Huế, trong đó đối với mặt hàng Kit test do **Công ty C2** sản xuất có số lượng 3.309 test, đơn giá 470.000 đồng/test, tổng giá trị 1.555.230.000 đồng.

+ Gói thầu số 4: Mua sắm bộ kit tách chiết, hóa chất xét nghiệm SARS-CoV-2 sử dụng cho hệ thống máy PCR thuộc dự toán mua sinh phẩm, vật tư cấp bách để triển khai thực hiện xét nghiệm Covid-19 (đợt 4 năm 2021). Hình thức thầu: Chỉ định thầu rút gọn. Nhà thầu trúng thầu: **Công ty C2**; Giá trúng thầu: 6.955.200.000 đồng.

Để có vật tư tiêu hao, sinh phẩm, hóa chất phục vụ xét nghiệm, **C2** tiếp tục làm việc với **N1** để tạm ứng hàng của **Công ty C2**. Trên cơ sở tham mưu của **H**, **T18** đã soạn thảo, đưa cho **M** ký Phiếu dự trù ngày 06/8/2021 gồm 28 mặt hàng, đồng thời soạn thảo đưa cho **M** ký nháy Công văn số 602/KSBT-XN ngày 11/8/2021 của **C2** gửi cho **Công ty C2** đề nghị tạm ứng 05 mặt hàng. **T18** còn tham mưu cho **T4** ký Công văn mượn hàng số 642/KSBT-XN ngày 21/8/2021 của **C2** gửi cho **Công ty C2** đề nghị tạm ứng 02 mặt hàng, toàn bộ các mặt hàng trên 02 Công văn trên đều có trong Phiếu dự trù ngày 06/8/2021, **C2** cam kết thanh toán tiền theo giá tại thời điểm tạm ứng hàng.

Ngày 12/8/2021, **Trịnh Quang T4** tổ chức họp Hội đồng khoa học công nghệ gồm các thành viên là **Bùi Thị Bích D1**, **Bùi Văn H14**, **Nguyễn Thị Ngọc L1**, **Đặng Minh T18**, **Bế Thị Thùy N4**, **Nguyễn Lê Kim H15**, **Nguyễn Minh H17** và khách mời là **Trần Thanh M**, **Trần Thị Mai A2**, **Trần Thị Nguyên H** để xem xét Phiếu dự trù trên.

Để có cơ sở hợp thức hóa hồ sơ thanh toán tiền hàng tạm ứng phục vụ xét nghiệm cho **Công ty C2**, theo yêu cầu của **M** và **T4** thì **Mai A2** trực tiếp soạn thảo và xây dựng kế hoạch đề ngày 16/8/2021 mua sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ xét nghiệm Covid-19 đợt 4 năm 2021, tổng giá trị 17.032.979.600 đồng, danh mục hàng hóa trên kế hoạch này gồm 28 mặt hàng, trong đó có các mặt hàng tạm ứng.

Để thẩm định giá gói thầu, **M** đã liên hệ và được **Nguyễn Thị Hương Linh T15** - Giám đốc **Công ty T31** đồng ý làm thẩm định giá cho **C2**. Ngày 20/8/2021, **M** tham mưu cho **T4** ký Giấy đề nghị thẩm định giá gửi **Công ty T31** đề nghị thẩm định giá sinh phẩm, vật tư xét nghiệm Covid-19, đồng thời theo chỉ đạo của **T4** thì **Khoa D3** phải tham gia vào quá trình mua sắm hàng hóa nên văn bản này được **M** đưa lại cho **Mai A2** để gửi cho **Công ty T31**. Ngày 20/8/2021, **C2** và **Công ty T31** ký Hợp đồng tư vấn - dịch vụ thẩm định giá tài sản số 213/TTA-TVDC-PN. Sau khi ký hợp đồng, **T15** phân công cho **Nguyễn Hữu T16** - Thẩm định viên về giá và **Đào Thị Hà M1** - Trợ lý thẩm định viên thực hiện công tác thẩm định giá. **M1** đã trực tiếp đến các đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và liên hệ qua điện thoại với các đơn vị ngoài tỉnh để xin

báo giá. Đối với mặt hàng Kit LightPower, I (Kit iVAaRNA) do Công ty C2 sản xuất thì nhận được bảng báo giá của Công ty C2, Công ty TNHH T38 (Công ty T38) và Công ty TNHH D6 (Công ty D6); đối với các mặt hàng còn lại thì nhận được bảng báo giá của Công ty TNHH P7 (Công ty P7), Công ty TNHH T39 (Công ty T39), Công ty Cổ phần Y3 (Công ty Y3), Công ty Cổ phần C2 (Công ty C2), Công ty TNHH T40 (Công ty T40), Công ty TNHH T41 (Công ty T41). Ngoài ra, Đào Thị Hà M1 trực tiếp tham khảo giá trúng thầu của các đơn vị y tế công lập được đăng tải trên trang công khai kết quả Đấu thầu Bộ Y2 “<https://congkhaiketquathau.moh.gov.vn>”, gồm: Bệnh viện T42, C4, CDC Đ, CDC N, CDC Lai Châu, Bệnh viện T43, Bệnh viện H19, Bệnh viện K7, CDC Đ. Căn cứ thông tin trên 09 bảng báo giá và thông tin trên trang công khai kết quả đấu thầu Bộ Y2, M1 đã đối chiếu, so sánh và xác định đối với các mặt hàng do Công ty C2 sản xuất thì do đơn giá theo bảng báo giá của Công ty C2 và Công ty T38 là thấp nhất nên đã sử dụng bảng báo giá này là căn cứ thẩm định. Ngày 26/8/2021, Công ty T31 ban hành Chứng thư thẩm định giá số 296/ĐS/2021/CT-TTA (do T16 và T15 ký), xác định 06 mặt hàng C2 đề nghị thẩm định có tổng giá trị 8.455.800.000 đồng (trong đó các mặt hàng do Công ty C2 sản xuất gồm Kit iVAaRNA, số lượng 14.400 test, đơn giá 42.000đ/test, thành tiền 604.800.000 đồng; Kit Lightpower, số lượng 17.280 test, đơn giá 367.500đ/test, thành tiền 6.350.400.000 đồng). C2 đã thanh toán số tiền thẩm định giá 25.000.000 đồng cho Công ty T31 bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của C2 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ đến tài khoản của Công ty T31.

Để đảm bảo cho Công ty C2 trúng thầu, Trần Thị Mai A2 đã liên hệ với Lê Thị Nguyệt H8 để xin bảng báo giá của 03 Công ty gồm Công ty C2, Công ty A4, Công ty T26 (trong đó bảng báo giá của Công ty C2 là thấp nhất) đối với các mặt hàng trong gói thầu số 4, các bảng báo giá này đều đề ngày 17/9/2021 để đưa vào hồ sơ chỉ định thầu.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 296/ĐS/2021/CT-TTA, Mỹ tham mưu cho T4 ký Tờ trình số 147/TTr-KSBT ngày 26/8/2020 gửi Sở Tài chính đề nghị thẩm định, phê duyệt giá gói thầu mua sinh phẩm, vật tư xét nghiệm Covid-19 kèm Phụ lục danh mục gói thầu đối với 06 mặt hàng với tổng giá trị 8.455.800.000 đồng. Ngày 30/8/2021, Sở T37 ban hành Công văn số 2631/STC-QLG&CS điều chỉnh giá mua sắm sinh phẩm, vật tư xét nghiệm Covid-19 của C2 là 8.291.400.000 đồng (đối với mặt hàng Kit LightPower, K1 iVAaRNA không điều chỉnh giá). Các ngày 09 và 10/9/2021, T4 ký các Tờ trình số 162/TTr-KSBT và 164/TTr-KSBT gửi Sở Y tế về việc xin chủ trương mua sinh phẩm, vật tư cấp bách để thực hiện xét nghiệm Covid-19 (đợt 4) năm 2021, phê duyệt việc mua sắm đợt 4 với giá trị mua sắm 8.291.400.000 đồng. Các ngày 09 và 13/9/2021, ông Nay Phi L2 ký Công văn số 3657/SYT-KHTC và Quyết định số 1058/QĐ-SYT thống nhất chủ trương, phê duyệt cho C2 thực hiện việc mua sắm đợt 4 năm 2021.

Ngày 14/9/2021, T4 ký Tờ trình số 167/TTr-KSBT gửi Sở Y tế đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gồm 03 gói thầu nhỏ trong đó gói thầu số 02: Mua sắm bộ kit tách chiết, hóa chất xét nghiệm SARS-CoV-2 sử dụng cho hệ thống máy PCR (tức gói thầu số 4) có giá trị 6.955.200.000 đồng, hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu. Ngày 16/9/2021, Sở Y1 ban hành Quyết định số 1073/QĐ-SYT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Ngày 16/9/2021, T4 ký Thư mời chào giá gửi Công ty C2. Đồng thời Mỹ soạn thảo Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 20/9/2021, Hợp đồng mua bán số 08.21-HĐMBHH ngày 22/9/2021 đối với gói thầu số 4 giữa Công ty C2 và C2 gửi cho N1 để N1 gửi Công ty C2 ký. Ngày 20/9/2021, T4 ký Phiếu yêu cầu giám sát kết quả lựa chọn nhà thầu số 755/KSBT-BMT gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Y1. Ngày 22/9/2021, ông Đinh Xuân H16 - Giám đốc Sở KH&ĐT ký Thông báo số 2615/TB-SKHĐT chấp nhận hình thức chỉ định thầu rút gọn đối với gói thầu số 4. Cũng trong ngày 22/9/2021, T4 ký Quyết định số 368/QĐ-KSBT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với Công ty C2.

Tiếp đó, trên cơ sở tham mưu của Mỹ, T4 và Hồ Thị Thanh T9 - Phó tổng giám đốc Công ty C2 ký Hợp đồng số 08.21-HĐMBHH ngày 22/9/2021, trị giá 6.955.200.000 đồng. Đồng thời ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa số 08/21-BBBG&NT ngày 27/9/2021, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 28/9/2021. Ngày 29/9/2021, Trịnh Quang T4 ký Giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước để thanh toán, chuyển số tiền 6.955.200.000 đồng vào tài khoản 25083079 của Công ty C2 mở tại Ngân hàng TMCP Á1 - Hội sở, trong đó đối với mặt hàng do Công ty C2 sản xuất có gồm Kit test số lượng 17.280 test, đơn giá 367.500 đồng/test, tổng giá trị 6.350.400.000 đồng.

+ Gói thầu số 5: Mua vật tư, sinh phẩm xét nghiệm, vật tư phòng chống dịch Covid - 19 đợt 5 năm 2021. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu, quy trình rút gọn; Quyết định số 1538/QĐ-SYT ngày 08/12/2021 của Sở Y tế về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu với giá dự toán 11.993.856.000 đồng; Quyết định số 639/QĐ-KSBT ngày 14/12/2021 C2 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với nhà thầu trúng thầu Công ty C2; Giá trúng thầu 9.906.221.000 đồng.

+ Gói thầu số 6: Mua vật tư, sinh phẩm xét nghiệm chủ động phòng chống dịch Covid - 19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đợt 6 năm 2021. Hình thức đấu thầu: chỉ định thầu, quy trình rút gọn. Quyết định số 1566/QĐ-SYT ngày 14/12/2021 của Sở Y tế về việc phê duyệt mua vật tư sinh phẩm xét nghiệm chủ động phòng chống dịch Covid-19 giá dự toán 16.236.605.000 đồng. Ngày 15/12/2021, C2 có Tờ trình số 220/TTr-KSBT đề nghị Sở Y tế phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu với tổng mức đầu tư 16.236.605.000 đồng.

Như vậy, C2 đã thanh toán cho các nhà thầu thuộc gói thầu từ 1 đến 4 tổng số tiền 13.155.584.000 đồng, trong đó đã thanh toán 26.249 Kit LightPower trị giá 10.612.690.000 đồng, còn lại 2.542.894.000 đồng là giá trị hóa chất, môi trường, vật tư tiêu hao xét nghiệm Covid-19. Gói thầu số 5, 6 đang hợp thức hoàn thiện hồ sơ nhưng chưa ký kết hợp đồng mua bán với nhà cung cấp, chưa thực hiện thanh toán tiền; dữ liệu của Công ty C2 còn nợ tiền sinh phẩm, vật tư, thiết bị đã tạm ứng tổng 14.949.312.000 đồng.

+ Việc chi tiền % ngoài hợp đồng:

Phan Quốc V có chính sách chi chiết khấu cho khách hàng khi mua hàng, Đinh Lê Lê N1 đã đề xuất và được Phan Quốc V duyệt tỷ lệ phần trăm chiết khấu của từng người ở CDC Đ theo quy trình mà V đặt ra, cụ thể: sau khi C2 thanh toán tiền theo từng gói thầu, N1 liên hệ, cung cấp thông tin về số lượng hàng trong gói thầu, tỷ lệ chiết khấu để Phan Tôn Noel T24 - Trợ lý khối tài chính của Công ty C2 lập bảng tính

toán tiền chiết khấu. Sau khi tính xong thì Phan Tôn Noel T24 trao đổi để Đinh Lê Lê N1 xác nhận lại, một số trường hợp T24 gửi file này vào tài khoản Viber của Phan Đàm Quốc V3 - Nhân viên Phòng Cung ứng Công ty C2 để V3 kiểm tra lại. Tiếp đó, Phan Tôn Noel T24 hoặc Phạm Thị Kim K2 gửi file trình chi vào nhóm “TC-KT Viet A”, để V duyệt chi. Sau khi V duyệt chi, thì T24 thông báo với bộ phận kế toán làm lệnh chuyển tiền và K2 chụp hình đoạn tin nhắn mà V đồng ý duyệt chi, gửi vào nhóm “Duyệt chi VA” để Hồ Thị Thanh T25 chuyển tiền từ tài khoản 10221097039016 của Cửa hàng A, mở tại Ngân hàng T44 (do Hồ Thị Thanh T25 đứng tên) đến tài khoản số 133938289 của Đinh Lê Lê Na M2 tại Ngân hàng TMCP Á1 - Phòng G với nội dung nhờ thanh toán tiền hàng (riêng đối với Công ty A4 thì Trần Huyền Phú A1 là người thực hiện chuyển tiền cho Đinh Lê Lê N1). Cụ thể việc chi tiền phần trăm ngoài hợp đồng ở từng gói thầu như sau:

- Gói thầu số 01: Trong quá trình CDC Đắc Lắc tạm ứng hàng của Công ty A4, Đinh Lê Lê N1 và Trần Huyền Phú A1 đã thống nhất về việc Công ty A4 sẽ chi từ 23% đến 30% ngoài hợp đồng cho C2 sau khi C2 thanh toán tiền hàng.

Ngày 10/3/2021, C2 chuyển khoản thanh toán 930.137.000 đồng đến tài khoản của Công ty A4. Sau khi nhận được tiền, Trần Huyền Phú A1 và Nguyễn Thị Kiều D2 (Kế toán Công ty A4) tính tiền chiết khấu chi cho C2 theo tỷ lệ chiết khấu từng nhóm hàng: Kit Covid 23%; Môi trường, sinh phẩm 20%; Vật tư tiêu hao 30%, tổng số tiền chiết khấu 194.582.636 đồng. Do đơn giá một số mặt hàng tại thời điểm tạm ứng hàng thấp hơn đơn giá tại thời điểm ký hợp đồng với số tiền chênh lệch là 17.852.000 đồng nên số tiền chiết khấu chi cho C2 còn lại là 176.730.636 đồng = 194.582.636 đồng - 17.852.000 đồng;

Ngày 17 và 18/3/2021, Trần Huyền Phú A1 chuyển khoản số tiền chiết khấu 176.700.000 đồng cho Đinh Lê Lê N1 để chi cho các cá nhân thuộc C2.

- Gói thầu số 2, 3: Đinh Lê Lê N1 đã xin ý kiến và Phan Quốc V đồng ý chi tiền chiết khấu cho C2 với tỷ lệ chiết khấu như sau: Trịnh Quang T4 5%, Trần Thị Nguyên H 13%, Đặng Minh T18 2%, Trần Thanh M 3%, tổng là 23%; Kit LightPower 23%; Môi trường vận chuyển virus 27%, K, Micropipet 5%, các mặt hàng còn lại không chiết khấu. Sau khi C2 thanh toán số tiền 3.301.863.000 đồng (gói thầu số 02) và số tiền 1.968.384.000 đồng (gói thầu số 03) vào tài khoản của Công ty T26. Ngày 18/8/2021 và ngày 15/9/2021, Hồ Thị Thanh T25 chuyển khoản số tiền chiết khấu 970.632.402 đồng cho Đinh Lê Lê N1 để chi cho C2.

- Gói thầu số 4: Đinh Lê Lê N1 đã xin ý kiến và Phan Quốc V đồng ý chi tiền chiết khấu cho C2 các mặt hàng là Trịnh Quang T4 5%, Trần Thị Nguyên H 13%, Đặng Minh T18 2%, Trần Thanh M 3%, tổng là 23% (theo giá chưa tính thuế VAT). Sau khi C2 thanh toán số tiền cho Công ty C2. Ngày 08/10/2021, Hồ Thị Thanh T25 chuyển số tiền chiết khấu 1.523.520.000 đồng cho Đinh Lê Lê N1 để chi cho C2.

Như vậy, tổng số tiền chiết khấu trong 04 gói thầu chuyển vào tài khoản của N1 là 2.670.852.402 đồng.

+ Hậu quả thiệt hại: Kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C5 xác định giá thành sản xuất thực tế Test xét nghiệm 143.461 đồng/Test. Như vậy hậu quả thiệt hại đối với hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng là 6.846.982.211 đồng, cụ thể ở từng gói thầu như sau:

- Gói thầu số 1: $1.200 \text{ Kit} \times (509.050 - 143.461) = 438.706.800 \text{ đồng};$
- Gói thầu số 2: $4.460 \text{ Kit} \times (470.000 - 143.461) = 1.456.363.940 \text{ đồng};$
- Gói thầu số 3: $3.309 \text{ Kit} \times (470.000 - 143.461) = 1.080.517.551 \text{ đồng};$
- Gói thầu số 4: $17.280 \text{ Kit} \times (367.500 - 143.461) = 3.871.393.920 \text{ đồng}.$

Các mặt hàng hóa khác, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận không phát sinh giao dịch mua sắm tại thời điểm định giá tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk, không có căn cứ xác định giá nên chưa có cơ sở xác định thiệt hại tài sản Nhà nước.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp số 1137/KL-SKHĐT ngày 13/5/2022 của **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Y1**, kết luận về quy trình đấu thầu của 04 gói thầu: Trường hợp **C2** giao thầu trước (các bên thống nhất với nhau về giao nhận sinh phẩm, hóa chất, môi trường, vật tư tiêu hao phục vụ xét nghiệm Covid-19) nhưng trong vòng 15 ngày liên tiếp kể từ thời điểm giao thầu mà **C2** không hoàn thành các thủ tục chỉ định thầu rút gọn bao gồm: Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu trong đó xác định yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị tương ứng để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng là vi phạm khoản 1 Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; trách nhiệm thuộc về **CDC Đ** vừa là chủ đầu tư vừa là Bên mời thầu được quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật Đấu thầu.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 2190/KL-HĐĐGTS ngày 29/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận về giá sinh phẩm, hóa chất, môi trường, vật tư tiêu hao phục vụ xét nghiệm Covid - 19 theo 04 gói thầu: Còn tuyệt đối (gói thầu số 1) giá 76.000 đồng/chai; các mặt hàng hóa còn lại không phát sinh giao dịch mua sắm tài sản tại thời điểm định giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, nên không có căn cứ xác định giá trị tài sản.

Kết luận giám định số 326/KL-KTHS ngày 12/4/2022, số 448/KL-KTHS ngày 31/5/2022, số 973/KL-KTHS ngày 14/10/2022 của **Phòng K8 Công an tỉnh Đ** kết luận về hình dấu, chữ viết, chữ ký trên hồ sơ 04 gói thầu: Hình dấu tròn Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk so với hình dấu tròn cùng nội dung là do một con dấu đóng ra; chữ ký đề tên **Trịnh Quang T4, Trần Thanh M, Trần Thị Nguyên H, Đặng Minh T18, Trần Thị Mai A2, Lê Thị Nguyệt H8** lần lượt so với chữ ký của **Trịnh Quang T4, Trần Thanh M, Trần Thị Nguyên H, Đặng Minh T18, Trần Thị Mai A2, Lê Thị Nguyệt H8** do cùng một người ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2024/HS-ST ngày 05/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: tuyên bố các bị cáo **Trịnh Quang T4, Trần Thị Nguyên H, Trần Thanh M, Đinh Lê Lê N1** phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”.

1. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Thị Nguyên H** 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến ngày 25/01/2024.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1

Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo [Trần Thanh M](#) 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến ngày 13/9/2022.

3. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo [Trịnh Quang T4](#) 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến ngày 22/01/2024.

4. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo [Đinh Lê Lê N1](#) 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm hình sự đối với [Đặng Minh T18](#), xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/8/2024, bị cáo [Trần Thanh M](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

Ngày 12/8/2024, bị cáo [Trần Thị Nguyên H](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/8/2024, bị cáo [Trịnh Quang T4](#) kháng cáo xin miễn hình phạt.

Ngày 16/8/2024, bị cáo [Đinh Lê Lê N1](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo [Trịnh Quang T4](#), [Trần Thị Nguyên H](#), [Trần Thanh M](#), [Đinh Lê Lê N1](#) đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và điều kiện phạm tội, nhân thân của các bị cáo để giảm cho bị cáo [Trần Thị Nguyên H](#) một phần hình phạt; miễn hình phạt cho bị cáo [Trịnh Quang T4](#); áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo [Đinh Lê Lê Na](#).

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm để giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo [Trịnh Quang T4](#) kháng cáo xin miễn hình phạt, bị cáo [Trần Thị Nguyên H](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo [Trần Thanh M](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, bị cáo [Đinh Lê Lê N1](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ lời khai của các bị cáo tại cấp sơ thẩm, các tài liệu chứng cứ khác

có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên toà phúc thẩm, đủ cơ sở xác định:

Để triển khai kế hoạch thực hiện xét nghiệm sàng lọc SAR-CoV-2 phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, [Trịnh Quang T4](#) đã chỉ đạo [Trần Thanh M](#) - Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, [Đặng Minh T18](#) - Phó khoa phụ trách Khoa xét nghiệm và [Trần Thị Nguyên H](#) - Nhân viên Khoa xét nghiệm liên lạc, trao đổi với [Đinh Lê Lê N1](#) - Nhân viên kinh doanh Công ty C2 phụ trách khu vực T để tạm ứng sinh phẩm, hóa chất, vật tư phục vụ xét nghiệm của các Công ty A4, Công ty T26 và Công ty C2 rồi sau đó hợp thức hóa các hồ sơ đấu thầu để thanh toán hàng tạm ứng, đảm bảo cho các Công ty đã cho tạm ứng trúng thầu theo giá mà các Công ty đưa ra. Các bị cáo đã can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu; không đảm bảo khách quan, minh bạch trong đấu thầu, thực hiện trái quy định pháp luật về đấu thầu, cụ thể: không bảo đảm công bằng, minh bạch, tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án, tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với cùng một gói thầu. Các bị cáo đã nhận tiền của [Đinh Lê Lê N1](#) là khoản tiền liên quan trực tiếp đến các gói thầu để thực hiện việc mua bán, thanh toán tiền hàng hóa. Sau khi tạm ứng sinh phẩm, hóa chất, vật tư phục vụ xét nghiệm của Công ty A4, Công ty T26, Công ty C2, C2 đã không hoàn thành các thủ tục chỉ định thầu rút gọn đối với gói thầu số 1, 3, 4 trong vòng 15 ngày liên tiếp kể từ thời điểm giao thầu, không tiến hành thương thảo hợp đồng là vi phạm khoản 1 Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 6.846.982.211 đồng.

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết tội các bị cáo [Trần Thị Nguyên H](#), [Trần Thanh M](#), [Trịnh Quang T4](#) và [Đinh Lê Lê N1](#) “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 3 Điều 222 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong hoạt động đấu thầu mua sắm vật tư y tế trong thời điểm đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh trên phạm vi cả nước trong đó có tỉnh Đắk Lắk. Trong khi Đảng, chính quyền và nhân dân các địa phương trên cả nước nỗ lực phòng, chống dịch bệnh bùng phát thì các bị cáo có hành vi đi ngược với lợi ích của Nhà nước, của nhân dân và của toàn xã hội; hành vi phạm tội của các bị cáo gây dư luận xấu, tạo tâm lý hoang mang lo lắng trong cộng đồng nhất là trong thời điểm cả nước đang nỗ lực đẩy lùi đại dịch. Bản thân các bị cáo là những người hoạt động trong lĩnh vực y tế nên hơn ai hết các bị cáo buộc phải nhận thức được tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội mình đã thực hiện; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo với mức hình phạt thật nghiêm khắc, mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong vụ án này, các bị cáo tham gia thực hiện tội phạm

với mức độ khác nhau nên cần phân hóa vai trò từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

Bị cáo **Trần Thị Nguyên H** là người giữ vai trò chính trong việc kết nối, liên hệ giữa **C2** và các Công ty cho mượn hàng, biết rõ về số tiền chiết khấu từ trước khi thực hiện mượn hàng, luôn được chi trả lợi ích cao nhất, với 04 gói thầu thì bị cáo được hưởng lợi nhiều nhất là 929.978.964 đồng; ngoài ra, bị cáo còn chủ động đề nghị **Đinh Lê Lê N1** làm hàng không để chiếm đoạt giá trị hàng hoá, thu lợi cho bản thân. Hiện nay bị cáo còn bị Cơ quan điều tra khởi tố về tội “Tham ô tài sản”. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất so với các bị cáo khác.

Đối với bị cáo **Trần Thanh M**: bị cáo đã biết việc **C2** nhận vật tư, sinh phẩm y tế của **Công ty C2**, **Công ty A4**, **Công ty T26** để sử dụng trước phục vụ phòng, chống dịch Covid-19, bị cáo đã tham mưu tích cực cho bị cáo **T4** thực hiện hợp thức hoá hồ sơ thầu bằng cách phối hợp với 03 Công ty và các khoa, phòng của **C2** đảm bảo cho 03 Công ty trúng thầu, sau đó tham mưu bị cáo **T4** ký các văn bản giấy tờ để hoàn thiện hồ sơ thầu, thương thảo hợp đồng, ký hợp đồng, thanh toán tiền từ ngân sách Nhà nước cho 03 Công ty. Số tiền bị cáo được hưởng lợi là 171.000.000 đồng. Với vai trò trên, bị cáo phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo **H** và cao hơn các bị cáo còn lại.

Bị cáo **Trịnh Quang T4** là Giám đốc **C2** chịu trách nhiệm trong công tác quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị được giao trong giai đoạn dịch bệnh. Dưới sự tham mưu của cấp dưới, bị cáo đã trực tiếp ký duyệt các Phiếu dự trữ, các công văn đề mượn hàng và ký các thủ tục trong hồ sơ thầu để thanh toán tiền cho 03 đơn vị mượn hàng. Số tiền bị cáo được hưởng lợi là 211.360.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá **Trịnh Quang T4** có vai trò thấp hơn bị cáo **H** và bị cáo **M** là có cơ sở.

Đối với bị cáo **Đinh Lê Lê N1**: bị cáo có vai trò quan trọng trong vụ án, là đầu mối trung gian giữa **C2** với **Công ty A4**, **Công ty T26**, **Công ty C2** để thông đồng hợp thức hóa 04 gói thầu tại **CDC Đ**, để 03 Công ty này trúng thầu, từ đó thanh toán tiền hàng đã mượn trước đó. Bị cáo đóng vai trò trung gian tích cực cùng bị cáo **H** trong việc mượn hàng, hướng dẫn soạn thảo công văn, liên hệ, cung cấp bảng báo giá, giao hàng, hợp thức hóa các gói thầu giữa **CDC Đ** với 03 Công ty này nên phải chịu mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm đại dịch Covid-19 bùng phát, công tác phòng chống dịch trong tình huống khẩn cấp, yêu cầu giảm số ca mắc, ca chết người, không chế kịp thời các ổ dịch, đảm bảo an toàn cho cộng đồng là nhiệm vụ sống còn của cả nước nói chung và của tỉnh Đắk Lắk nói riêng lúc bấy giờ. Theo đó, **C2** là đơn vị chủ chốt, là cơ quan duy nhất thuộc Sở Y tế được giao nhiệm vụ xét nghiệm cho toàn tỉnh Đắk Lắk. Trước tình hình đại dịch diễn biến phức tạp, chưa từng có tiền lệ, số ca lây nhiễm tăng nhanh, tỉnh Đắk Lắk và nhiều địa phương trên toàn quốc phải liên tục thực hiện giãn cách xã hội, việc giao thương không phải lúc nào cũng thực hiện được, hàng hóa, sinh phẩm phục vụ xét nghiệm chống dịch lúc này quá khan hiếm, cung không đủ cầu. Vì vậy, việc mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm xét nghiệm phòng chống dịch lúc này là khó thực hiện theo đúng quy trình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải,

có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền hoặc tác động gia đình nộp tiền để khắc phục hậu quả, cụ thể: [Trần Thanh M](#) nộp 171.000.000 đồng, [Trần Thị Nguyên H](#) nộp 1.525.500.000 đồng (trong đó có 713.790.036 đồng là tiền hàng không), [Trịnh Quang T4](#) nộp 30.000.000 đồng. Các bị cáo [Trịnh Quang T4](#), [Trần Thị Nguyên H](#), [Trần Thanh M](#) quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc, được tặng giấy khen, bằng khen, kỷ niệm chương. Bị cáo [Đinh Lê Lê Na K3](#) phạm tội đang mang thai, có bố chồng là ông [Phan Công O](#) được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Huân chương chiến công. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện [CDC tỉnh Đ](#) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức thấp nhất hình phạt cho các bị cáo.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, n, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đối với từng bị cáo là đúng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt [Trần Thị Nguyên H](#) 05 năm tù, [Trần Thanh M](#) 04 năm tù, [Trịnh Quang T4](#) 03 năm tù, [Đ1 Lê Lê N1](#) 02 năm 09 tháng tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo [Trịnh Quang T4](#) thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và số tiền bị cáo được hưởng lợi là 211.360.000 đồng, bị cáo cung cấp thêm biên lai đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi còn lại 181.360.000 đồng, như phán quyết của bản án sơ thẩm, thể hiện ý thức tôn trọng phán quyết của Tòa án cũng như thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo; các bị cáo [H](#), [M](#), [T4](#) nộp xong án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo [H](#) có nhiều đóng góp, đỡ đầu cho trẻ em nghèo tại [thị trấn P, huyện K](#); Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho các bị cáo [Trịnh Quang T4](#), [Trần Thị Nguyên H](#), [Trần Thanh M](#) và [Đinh Lê Lê Na M3](#) phần hình phạt như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa.

Việc giảm cho các bị cáo một phần hình phạt trong trường hợp cụ thể này không chỉ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội thật sự ăn năn, hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ số tiền được hưởng lợi, mà còn thể hiện sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật khi xét xử các vụ án “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*” xảy ra tại các địa phương trong cả nước trong thời gian vừa qua. Các bị cáo trong vụ án bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, các lần phạm tội đều nghiêm trọng nên không đủ điều kiện hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của [Trần Thanh M](#); kháng cáo đề nghị được miễn hình phạt của [Trịnh Quang T4](#) và nội dung kháng cáo xin được chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo [Đinh Lê Lê N1](#) không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo [Trần Thị Nguyên H](#), [Trần Thanh M](#), [Trịnh Quang T4](#) và [Đinh Lê Lê Na K4](#) phải chịu.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **Trần Thị Nguyên H**, **Trần Thanh M**, **Trịnh Quang T4** và **Đinh Lê Lê Na**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2024/HS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Nguyên H** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến ngày 25/01/2024.

1.2. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh M** 02 (hai) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến ngày 13/9/2022.

1.3. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trịnh Quang T4** 01 (một) năm 07 (bảy) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày tù về tội “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam (từ ngày 27/5/2022 đến ngày 22/01/2024).

1.4. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Đinh Lê Lê N1** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo **Trần Thị Nguyên H**, **Trần Thanh M**, **Trịnh Quang T4** và **Đinh Lê Lê Na K4** phải chịu án phí.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Đức Kiên